

Số: /BC-UBND

Ninh Bình, ngày tháng 8 năm 2026

BÁO CÁO

Giải pháp nâng cao hiệu quả và giá trị sử dụng đất nông nghiệp

Kính gửi: Ban Chính sách, chiến lược Trung ương

Thực hiện Văn bản số 810-CV/BCSCLTW ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Ban Chính sách, chiến lược Trung ương về việc cung cấp thông tin, số liệu xây dựng Báo cáo “Giải pháp nâng cao hiệu quả và giá trị sử dụng đất nông nghiệp”; Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo kết quả như sau:

I. Đặc điểm, tình hình

- Tỉnh Ninh Bình mới được sáp nhập từ 03 tỉnh Hà Nam, Nam Định và Ninh Bình trước đây. Sau khi hợp nhất ba tỉnh, địa giới hành chính của tỉnh Ninh Bình mới được mở rộng, có diện tích 3.942 km² (xếp thứ 31/34 tỉnh thành) với dân số năm 2025 trên 4,4 triệu người (xếp thứ 6/34 tỉnh thành).

- Tổng diện tích gieo trồng cây lương thực có hạt toàn tỉnh (sau sáp nhập) duy trì ở mức cao, dao động từ 291,8 nghìn ha năm 2020 xuống 279,8 nghìn ha năm 2024, sau đó tăng nhẹ trở lại 287,0 nghìn ha năm 2025, bình quân giai đoạn 2020-2025 giảm 1,01%/năm. Diện tích lúa giảm chủ yếu do quá trình đô thị hóa, phát triển khu công nghiệp và chuyển đổi cơ cấu cây trồng.

- Tổng sản lượng lương thực có hạt toàn tỉnh giảm nhẹ từ 1.769,5 nghìn tấn năm 2020 xuống 1.672,7 nghìn tấn năm 2024, đạt 1.715,5 nghìn tấn năm 2025, bình quân giảm 1,02%/năm. Mặc dù diện tích giảm nhưng năng suất bình quân/ha vẫn được duy trì ổn định cho thấy hiệu quả của việc ứng dụng giống mới, cơ giới hóa và kỹ thuật canh tác tiên tiến vào sản xuất.

- Diện tích rau màu: Tổng diện tích cây màu (rau, củ, quả) toàn tỉnh đạt từ 35.000 - 37.000 ha/năm, sản lượng đạt trên 623 nghìn tấn.

II. Hiện trạng, biến động, hiệu quả và giá trị sử dụng đất nông nghiệp

1. Hiện trạng và biến động đất nông nghiệp

Ninh Bình có vị trí địa lý đặc thù tại vùng cửa ngõ cực Nam đồng bằng sông Hồng, địa hình phân hóa đa dạng gồm cả vùng đồng bằng, vùng đồi núi và vùng ven biển. Quy hoạch phát triển kinh tế đặt trọng tâm vào chuyển dịch cơ cấu, định hướng xây dựng đô thị di sản thiên nhiên kỷ. Do đó, quỹ đất nông nghiệp có xu hướng biến động ngày càng giảm dần do yêu cầu chuyển mục đích sử dụng sang

đất hạ tầng, xây dựng công trình công cộng, đất giao thông và khu, cụm công nghiệp nhằm phục vụ đề án phát triển tỉnh Ninh Bình thành thành phố trực thuộc Trung ương.

Xu hướng biến động: Diện tích đất nông nghiệp ngày càng giảm nhất là diện tích đất trồng lúa nước giảm trung bình khoảng 0,5% - 1% mỗi năm. Diện tích đất được bàn giao và chuyển mục đích sử dụng tập trung nhiều tại vùng giáp ranh tại khu vực trung tâm của các xã, phường; cùng với đó là xây dựng các cụm, khu công nghiệp, khu tái định cư và mở rộng các công trình công cộng tại các địa phương.

Chuyển đổi nội bộ kinh tế nông nghiệp: Có sự chuyển dịch mạnh mẽ từ đất trồng lúa kém hiệu quả sang đất trồng cây rau màu, trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản; trồng sen kết hợp du lịch trải nghiệm, sinh thái và một phần đất nông nghiệp khác được chuyển đổi sang trồng cây ăn quả, dược liệu, hoa, cây cảnh... mang lại hiệu quả kinh tế cao cho người nông dân.

2. Hiệu quả kinh tế và giá trị sử dụng trên 1 ha đất nông nghiệp

Để nâng cao hiệu quả trên một đơn vị sản xuất đất nông nghiệp, ngày 10/7/2026 UBND tỉnh ban hành Quyết định số 2643/QĐ-UBND về việc phê duyệt đề án “Cơ cấu lại ngành nông nghiệp tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2026 - 2030” trong đó tập trung xây dựng nền nông nghiệp sản xuất hàng hóa tích hợp đa giá trị gắn với du lịch sinh thái, phát triển nông nghiệp dựa trên lợi thế của tỉnh. Phát triển nền nông nghiệp theo hướng hiện đại nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, bền vững và khả năng cạnh tranh nông sản, đảm bảo an ninh lương thực, góp phần quan trọng trong việc ổn định kinh tế - xã hội, phòng - chống thiên tai, dịch bệnh, bảo vệ môi trường, sinh thái, ứng phó với biến đổi khí hậu. Khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp hữu cơ, tuần hoàn, sinh thái. Tổ chức sản xuất tiên tiến gắn với nâng cao chất lượng các sản phẩm và xây dựng các sản phẩm OCOP mang thương hiệu tại các địa phương; xây dựng nông thôn mới hiện đại, thông minh gắn với phát triển du lịch. Quản lý chặt chẽ, sử dụng hiệu quả đất đai, tài nguyên, bảo vệ môi trường gắn với tăng trưởng xanh và phát triển bền vững, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu.

Giá trị sản phẩm thu được trên 1 ha đất trồng trọt và nuôi trồng thủy sản: Đến năm 2025, giá trị sản xuất bình quân ước đạt 197,7 triệu đồng/ha, tăng 4,2% so với giai đoạn trước.

Các mô hình liên kết lúa đặc sản, lúa chất lượng cao (gạo sạch Toàn Xuân, Cường Tân, Quỳnh Thanh, nếp cái hoa vàng, nếp hạt cau) đạt giá trị từ 130 - 150 triệu đồng/ha. Các mô hình xen canh rau củ quả an toàn đạt trên 250 triệu đồng/ha.

3. Thực trạng tích tụ, tập trung đất đai và phát triển vùng nguyên liệu

Giai đoạn 2020 - 2025, khuyến khích các hình thức tích tụ, tập trung ruộng đất thông qua thuê quyền sử dụng đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất hoặc liên kết sản xuất. Toàn tỉnh đã tập trung được hàng ngàn hecta đất để tổ chức sản xuất theo quy mô cánh đồng lớn, cánh đồng liên kết tiêu thụ sản phẩm. Tuy nhiên, quy mô tích tụ ruộng đất nhìn chung còn manh mún, chủ yếu do các doanh nghiệp

nông nghiệp hoặc hợp tác xã (HTX) đứng ra thuê lại của hộ nông dân trong thời hạn ngắn từ 5 - 10 năm.

Đã hình thành và phát triển vùng sản xuất lúa đặc sản, lúa chất lượng cao tập trung tại khu vực Kim Sơn, Yên Khánh, Nghĩa Hồng, Hải Quang, Giao Minh...; vùng rau, củ, quả an toàn tại Quỹ Nhất, Yên Cường, Giao Thịnh, Hải Thịnh..., vùng cây ăn quả tại khu vực Phú Long, Tam Trú, Tam Điệp, Lý Nhân... và một số vùng cây dược liệu chuyên canh.

Mở rộng và phát triển các chuỗi liên kết tiêu thụ sản phẩm, đến cuối năm 2025, toàn tỉnh có trên 123 chuỗi liên kết sản xuất, cung ứng sản phẩm nông nghiệp an toàn giữa hộ nông dân, HTX và các doanh nghiệp thu mua chế biến lớn.

4. Áp dụng công nghệ cao, cơ giới hóa và các tiêu chuẩn chất lượng

Diện tích sản xuất đạt các tiêu chuẩn an toàn ngày càng được mở rộng. Nhiều vùng trồng trọt, vùng nuôi trồng thủy sản đã được cấp mã số vùng trồng và chứng nhận đạt tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP, hữu cơ.

Ứng dụng công nghệ cao và cơ giới hóa trong sản xuất, đến nay tỷ lệ cơ giới hóa khâu làm đất và thu hoạch lúa trên địa bàn toàn tỉnh đạt trên 95%. Công nghệ tưới ướn khô xen kẽ, tiết kiệm nước, nhà màng, nhà lưới và thiết bị bay không người lái (drone) được ứng dụng rộng rãi tại các vùng sản xuất hàng hóa tập trung, vùng gieo trồng rau, hoa, củ, quả ứng dụng công nghệ cao.

5. Thực trạng đất nông nghiệp bỏ hoang hoặc sử dụng kém hiệu quả:

- Đất lúa xen kẹt: Xuất hiện tình trạng một số diện tích đất trồng lúa nằm xen kẹt trong các khu dân cư mới, khu công nghiệp hoặc gần các dự án hạ tầng đang thi công bị cô lập không có hệ thống thủy lợi điều tiết, dẫn đến úng ngập hoặc thiếu nước, nông dân bỏ vụ.

- Chuyển dịch lao động nông thôn: Tốc độ công nghiệp hóa và du lịch dịch vụ phát triển mạnh mẽ khiến lao động trẻ dịch chuyển sang các ngành nghề khác. Lao động nông nghiệp tại một số địa phương chủ yếu là người lớn tuổi, không đủ sức canh tác dẫn đến một phần diện tích đất sản xuất vụ đông hoặc đất lúa vùng khó khăn bị bỏ hoang hoặc canh tác cầm chừng, kém hiệu quả.

III. Khó khăn, vướng mắc

1. Vướng mắc về cơ chế tích tụ, tập trung đất đai: Luật Đất đai đã mở rộng hạn mức nhưng cơ chế hỗ trợ, bảo đảm quỹ đất nông nghiệp ổn định cho doanh nghiệp yên tâm đầu tư dài hạn còn thiếu đồng bộ. Tâm lý nông dân vẫn muốn giữ đất, không muốn chuyển nhượng hoặc cho thuê dài hạn.

2. Hạ tầng phục vụ sản xuất chưa đồng bộ: Một số vùng nuôi trồng thủy sản tập trung ven biển và vùng đồi núi trồng cây ăn quả chưa được đầu tư hoàn chỉnh hệ thống điện hạ thế, kênh cấp thoát nước tách biệt và đường giao thông nội đồng.

2. Tác động của biến đổi khí hậu: Ninh Bình chịu ảnh hưởng lớn bởi hiện tượng xâm nhập mặn vùng cửa sông, triều cường gây ngập úng cục đoạn vào mùa mưa bão và khô hạn cục bộ tại vùng đồi núi, ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả khai thác đất nông nghiệp.

IV. Phương hướng và giải pháp nâng cao hiệu quả, giá trị sử dụng đất nông nghiệp giai đoạn 2026 - 2030

1. Định hướng quy hoạch, quản lý và sử dụng đất nông nghiệp bền vững

- Phù hợp với Kế hoạch phát triển kinh tế 5 năm 2026 - 2030 gắn với mục tiêu phân đầu tăng trưởng "hai con số", bảo vệ quỹ đất trồng lúa để bảo đảm an ninh lương thực; đồng thời rà soát tối ưu hóa các diện tích đất nông nghiệp lồng ghép phát triển du lịch sinh thái, trải nghiệm nông nghiệp di sản.

- Đẩy mạnh thực hiện chiến dịch làm sạch, hiện đại hóa Cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai tại tất cả các cấp.

2. Thúc đẩy tích tụ, tập trung đất đai gắn với chuỗi liên kết giá trị sản phẩm

- Khuyến khích thành lập và nâng cao năng lực hoạt động của các HTX nông nghiệp đóng vai trò trung gian nhận ủy thác, thuê gom đất của các hộ nông dân để liên kết với các tập đoàn lớn xây dựng vùng sản xuất nguyên liệu đồng bộ, đồng nhất về chất lượng.

- Xây dựng cơ chế bảo hiểm nông nghiệp, bảo hiểm đất đai cho nông dân khi tham gia góp đất sản xuất để hạn chế tối đa rủi ro pháp lý và tranh chấp.

3. Tăng cường đầu tư hạ tầng nông nghiệp đồng bộ và ứng dụng công nghệ cao

- Ưu tiên nguồn vốn đầu tư công trung hạn bổ sung, nâng cấp hạ tầng các vùng nuôi trồng thủy sản thâm canh tại Kim Sơn và các công trình đê, kè chống sạt lở bảo vệ vùng đất bãi bồi ven sông.

- Áp dụng các mô hình nông nghiệp tuần hoàn, nông nghiệp giảm phát thải, ứng dụng công nghệ số quản lý mã số vùng trồng để kiểm soát chặt chẽ quy trình sử dụng đất an toàn, hiệu quả, thân thiện với môi trường.

V. Kiến nghị và đề xuất

Để nâng cao vai trò của đất đai như một nguồn lực quan trọng cho tăng trưởng kinh tế chung theo tinh thần Kết luận số 18-KL/TW, UBND tỉnh Ninh Bình kính kiến nghị Chính phủ và các Bộ, ngành Trung ương xem xét một số nội dung sau:

- Về cơ chế tích tụ, tập trung đất đai: Kiến nghị Trung ương sớm ban hành hướng dẫn cụ thể về cơ chế thuê, phí ưu đãi đối với hoạt động chuyển nhượng, cho thuê quyền sử dụng đất nông nghiệp quy mô lớn phục vụ mục đích đầu tư công nghệ cao.

- Về mô hình kết hợp đa giá trị: Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường sớm ban hành khung pháp lý rõ ràng, thống nhất cho phép tích hợp linh hoạt các công trình hạ tầng phục vụ trực tiếp sản xuất (nhà sơ chế, kho lạnh bảo quản, hạ tầng điều hành kỹ thuật) trên đất nông nghiệp mà không phải thực hiện thủ tục chuyển mục đích sử dụng sang đất phi nông nghiệp phức tạp.

- Về hỗ trợ tài chính tín dụng: Đề nghị Ngân hàng Nhà nước có chính sách ưu đãi kéo dài thời hạn vay và nâng hạn mức vay không cần tài sản thế chấp đối với các tổ chức, HTX thực hiện các dự án tích tụ đất sản xuất theo chuỗi liên kết bền vững đạt chứng nhận quốc tế.

Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VPUBND tỉnh;
- Lưu: VT, VP3.

Ntt/VP3/2026/CV106

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Anh Dũng

Phụ lục
THÔNG TIN, SỐ LIỆU GIAI ĐOẠN 2020-2025

ST T	Tên chỉ tiêu	ĐVT	Tổng	Trong đó						
				Trồng trọt				Thủy sản		Chung
				Lúa gạo	Rau màu	Cây ăn quả	Cây khác	Nước ngọt	Nước mặn/lợ	
1	Diện tích tích tụ, tập trung đất đai	ha	4.952,8	3.285,5	322,5	18,0	162,5	1.014,3	120,0	30,0
	- Nhận chuyển nhượng		115,6	65,7	6,9	-	35,0	-	-	8,0
	- Thuê quyền sử dụng đất		4.796,7	3.219,8	315,6	18,0	87,0	1.014,3	120,0	22,0
	- Góp vốn bằng quyền sử dụng		40,5	-	-	-	40,5	-	-	-
2	Diện tích vùng sản xuất tập trung/vùng nguyên liệu	ha								-
	- Có hợp đồng liên kết		4.473,5	1.564,3	477,0	535,5	1.860,0	7,2	29,5	-
	- Không có hợp đồng liên kết		6.726,9	5.652,9	8,0	127,0	760,0	79,0	-	-
3	Diện tích sản xuất đạt VietGAP, GlobalGAP, hữu cơ hoặc tiêu chuẩn tương đương	ha	97,9	52,7	33,9	11,3	-	-	-	-
	- VietGAP		74,0	37,7	25,0	11,3	-	-	-	-
	- GlobalGAP		-	-		-	-	-	-	-
	- Hữu cơ và tương đương		23,9	15,0	8,9	-	-	-	-	-
4	Diện tích ứng dụng công nghệ cao/cơ giới hóa đồng bộ/tuần hoàn hoặc phát thải thấp	ha	14.555,3	13.603,7	342,6	25,0	59,0	159,0	-	366,0
	- Nhà kính, nhà lưới		20,2	-	18,2	-	2,0	-	-	-

	- Tưới tiết kiệm (phun mưa, nhỏ giọt, SRI, ướn khô xen kẽ - AWD...)		8.846,8	8.222,2	213,6	15,0	30,0	-	-	366,0
	- Cơ giới hóa đồng bộ		5.309,3	5.161,5	110,8	10,0	27,0	-	-	-
	- Công nghệ khác		379,0	220,0	-	-	-	159,0	-	-
5	Giá trị sản phẩm thu được trên 1 ha đất trồng trọt/mặt nước nuôi trồng thủy sản	Tr.đ/ha								-
6	Số doanh nghiệp, HTX tham gia vùng nguyên liệu/liên kết	Đơn vị	107,0	73,0	5,0	-	5,0	2,0	1,0	21,0
	- Doanh nghiệp		25,0	16,0	1,0	-	2,0	-	-	6,0
	- Hợp tác xã		82,0	57,0	4,0	-	3,0	2,0	1,0	15,0
7	Tỷ trọng sản phẩm nông sản qua chế biến	%								-
8	Hệ thống kho, kho lạnh và trung tâm logistic phục vụ nông sản	Cơ sở; tán hoặc sức chứa								-
	- Hệ thống kho									-
	- Trung tâm logistic phục vụ nông sản									-
9	Diện tích đất nông nghiệp không gieo cấy, chưa sử dụng hoặc sử dụng kém hiệu quả	ha	5.040,9	4.614,1	139,7	-	-	5,0	-	282,1
	- Diện tích đất nông nghiệp không gieo cấy		2.981,9	2.840,3	-	-	-	-	-	141,6
	- Diện tích đất nông nghiệp chưa sử dụng		57,7	52,3	-	-	-	-	-	5,4
	- Diện tích đất nông nghiệp sử dụng kém hiệu quả		2.001,3	1.721,5	139,7	-	-	5,0	-	135,1